

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 22-01-2025

V/v : “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt và ông Nguyễn Văn Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 18/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số **01/2025/QĐST-DS ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Lâm B – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S – P; địa chỉ: Số A, tổ A, ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Theo QĐ số 45/2024/UQ-PL ngày 17/12/2024)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều Phương L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, huyện T, Đồng Nai.

(Có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/12/2019 bà Nguyễn Kiều Phương L đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Viết tắt: Ngân hàng S1) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi

chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, vào tháng 1/2020 bà L đã thực hiện rút hết tiền mặt 100.000.000 đồng và tới tháng 07/2020 bà L có thực hiện rút tiền thêm 10.000.000 đồng và tháng 03/2021 rút thêm 700.000 đồng trong quá trình sử dụng bà L vẫn trả tối thiểu đúng hạn nhưng tới tháng 02 và 03/2022 bà L trả trễ hạn thẻ tín dụng. Đến tháng 07/2023 cho đến nay, bà L trả trễ hạn liên tục, Ngân hàng đã cố gắng liên hệ qua nhiều phương thức vẫn không liên lạc được. Đến tháng 09/2023 qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gọi điện (không nghe máy) nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 19/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tuy nhiên, từ sau ngày 01/02/2024 đến nay, bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình trốn tránh, mặc dù Ngân hàng S1 đã nhiều lần gọi điện và đến nhà yêu cầu bà L thanh toán.

Nay Ngân hàng S1 yêu cầu bà Nguyễn Kiều Phương L phải thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền tạm tính đến ngày 22/01/2025 là 169.273.229 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.071.326 đồng, lãi quá hạn 68.301.903 đồng).

Bà L còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S1 tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 23/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Kiều Phương L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/01/2025 là: 169.273.229 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.071.326 đồng, lãi quá hạn 68.301.903 đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Về án phí: Bà Nguyễn Kiều Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, bà L có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Ngân hàng S1 khởi kiện bà L trên cơ sở hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và xác định Ngân hàng S1 là nguyên đơn, bà L là bị đơn.

[1.3]. Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

[1.4]. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S1 và bà L (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2019):

Ngân hàng S1 là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 19/12/2029, bà L đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2019 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2019, bảng kê tính lãi có cơ sở xác định Ngân hàng S1 đã ký kết hợp đồng tín dụng cho bà L vay số tiền 100.000.000 đồng. Tạm tính đến ngày 22/01/2025 bà L còn nợ Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng S1 yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2019 với số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Ngân hàng S1 yêu cầu bà L thanh toán được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng ngày 19/12/2019; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng S1 về việc bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/01/2025) là 69.373.229 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Ngân hàng S1 về việc yêu cầu bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 23/01/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2019 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Xét bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S1. Vì vậy, Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án buộc bà L thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 401; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Luật Phí và lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Kiều Phương L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/01/2025 là: 169.273.229 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.071.326 đồng, lãi quá hạn 68.301.903 đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Kiều Phương L phải chịu là 4.234.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.622.900 đồng, theo biên lai thu số 0013472 ngày 10/40/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Ngân hàng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại